TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- ĐẮK LẮK** Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST Ngày 06/02/2026 *"V/v Ly hôn"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk tham gia phiên tòa*: Ông Y Gon Niê- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 185/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1959. Nơi cư trú: thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên: Vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

***- Bị đơn*:** Ông Phạm Thế C, sinh năm 1960. Nơi cư trú: thôn 8, xã Y (trước đây là thôn 8, xã Y, huyện K), tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/10/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (G) và ông Phạm Thế C tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, gay gắt nên vào năm 2019 tôi đã về quê ở xã T, tỉnh Hưng Yên sinh sống cùng con gái, do đó vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và kinh tế,

thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, ông C thường xuyên uống rượu đánh đập tôi. Thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm Thế C.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 04 (bốn) con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 24/4/1984; Phạm Thế V, sinh ngày 01/8/1986; Phạm Thế V1, sinh ngày 30/8/1991 và Phạm Thế V2, sinh ngày 25/3/1995. Các con chung đều trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 19/11/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Thế C trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (C) và bà Nguyễn Thị G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1983, đăng ký kết hôn tại huyện M, tỉnh Đắk Lắk nhưng do bị mất giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên ngày 03/8/2002 vợ chồng đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Đắk Lắk) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt nên bà Nguyễn Thị G đã chuyển khẩu về quê tại tỉnh Thái Bình (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên) sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó đến nay, không còn sống chung với nhau và không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà Nguyễn Thị G theo dõi mạng xã hội và cuồng tín theo tà đạo, có hành vi cắt hình ảnh chồng con rải xuống đất, bỏ vào nhà vệ sinh, không quan tâm đến gia đình, mặc dù tôi đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được. Việc bà G cho rằng tôi thường xuyên uống rượu và đánh đập bà G là không đúng sự thật. Do đó, tôi không đồng ý ly hôn, nguyện vọng muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con cái.

Về con chung: Vợ chồng tôi sinh được 04 (bốn) con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 24/4/1984; Phạm Thế V, sinh ngày 01/8/1986; Phạm Thế V1, sinh ngày 30/8/1991 và Phạm Thế V2, sinh ngày 25/3/1995. Các con chung đều trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét

xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Phạm Thế C; về con chung: Các con chung đều trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên đương sự không yêu cầu giải quyết, do đó không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị G theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng:***

Bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm Thế C. Đây là quan hệ *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2] ***Về nội dung:*** Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: Bà Nguyễn Thị G và ông Phạm Thế C có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Y, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 03/8/2002, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân giữa bà G và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền nơi cư trú và lời trình bày của đương sự trong quá trình thu thập chứng cứ, xác định: Bà Nguyễn Thị G và ông Phạm Thế C chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thiếu sự tôn trọng. Như vậy, xét thấy: từ việc mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G là có căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

-*Về con chung:* Vợ chồng sinh được 04 (bốn) con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 24/4/1984; Phạm Thế V, sinh ngày 01/8/1986; Phạm Thế V1, sinh ngày 30/8/1991 và Phạm Thế V2, sinh ngày 25/3/1995. Xét thấy, các con chung đều trên 18 tuổi, không ai bị hạn chế năng lực nên đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên, xét thấy bà Nguyễn Thị G, sinh ngày 10/10/1959 đã trên 60 tuổi thuộc người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ tiền án phí cho nguyên đơn, bà Nguyễn Thị G không phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G được miễn nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Phạm Thế C.

2. Về con chung: Các con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 24/4/1984; Phạm Thế V, sinh ngày 01/8/1986; Phạm Thế V1, sinh ngày 30/8/1991 và Phạm Thế V2, sinh ngày 25/3/1995 đều trên 18 tuổi nên đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung*:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí*:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G được miễn nộp toàn bộ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G được miễn nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyễn đơn vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Xuân Chiến

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND Khu vực 7- Đắk Lắk.
- THADS tỉnh Đắk Lắk.
- Phòng THADS khu vực 7.
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.